

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG HỒ
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2021/HN - ST

Ngày: 05 - 01 - 2021

V/v tranh chấp “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG HỒ - TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Ngọc Tú

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Hưng
2. Ông Nguyễn Văn Trước

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Tuyết Hoa - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Hồ.

Ngày 05 tháng 01 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Hồ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 531/2020/TLST - HNGĐ ngày 23 tháng 11 năm 2020 về việc tranh chấp “ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 164/2020/QĐXXST - HNGĐ ngày 21 tháng 12 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1972 (có mặt)
2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Hữu H, sinh năm 1971 (xin vắng mặt).

Cùng trú tại: Số 329A/25 ấp BH, xã BHP, huyện LH, tỉnh Vĩnh Long

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 20/11/2020, đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện ngày 18/12/2020 và tại phiên tòa chị Nguyễn Ngọc T trình bày:

Chị và anh Nguyễn Hữu H tự nguyện sống chung với nhau, có tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán vào năm 1992, nhưng không có đăng ký kết hôn. Chị và anh H sống chung đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên

nhân do anh H thường xuyên uống rượu về đánh đập chửi mắng, hành hạ chị và con. Nay tình cảm vợ chồng không còn, không còn tình nghĩa, không thể hàn gắn được nên chị yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Hữu H.

Về nuôi con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Hữu Phú Q, sinh ngày 04/9/1994 và Nguyễn Ngọc D, sinh ngày 10/4/2004, cháu Q đã trưởng thành không yêu cầu giải quyết, chị T đồng ý giao cháu Diệu cho anh H tiếp tục nuôi dưỡng.

Về tài sản chung: Không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Bị đơn:** Anh Nguyễn Hữu H tại bản khai ngày 21/12/2020 trình bày:

+ Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Ngọc T tự nguyện sống chung, có tổ chức lễ cưới nhưng không có đăng ký kết hôn, từ tháng 10/2020 không biết lý do gì chị T bỏ đi ra ngoài sống cho đến nay, không ai quan tâm gì đến ai, anh đồng ý ly hôn với chị T

+ Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Hữu Phú Q, sinh ngày 04/9/1994 và Nguyễn Ngọc D, sinh ngày 10/4/2004, cháu Q đã trưởng thành không yêu cầu giải quyết, anh H đồng ý tiếp tục nuôi cháu D, không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con chung.

+ Về tài sản chung: Không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

Anh H xin vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Quan hệ tranh chấp giữa các đương sự là “Ly hôn”, do bị đơn hiện đang cư trú tại xã Bình Hòa Phước, huyện Long Hồ, căn cứ vào quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long

[2] Về thủ tục tố tụng: Anh Nguyễn Hữu H xin xét xử vắng mặt, nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh H theo quy định tại Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Do chị Nguyễn Ngọc T và anh Nguyễn Hữu H sống chung với nhau từ năm 1992, nhưng không có đăng ký kết hôn, nên khi chị T có đơn yêu cầu ly hôn anh H, Tòa án thụ lý giải quyết theo thủ tục chung.

Chị T và anh H không có đăng ký kết hôn, không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng theo quy định tại Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình. Hội đồng xét xử tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị T và anh H

[4] Về con chung: Cháu Nguyễn Ngọc D, sinh ngày 10/4/2004, cháu D có nguyện vọng sống chung với anh H. Chị T cũng đồng ý giao cháu Diệu cho anh H nuôi dưỡng. Nên, Hội đồng xét xử giao cháu D cho anh H tiếp tục nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh H không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con chung, nên không xem xét.

[5] Về tài sản chung: Chị T và anh H không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét

[6] Nợ chung: Chị T và anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết, không xem xét.

[7] Về án phí sơ thẩm: Buộc chị T phải chịu 300.000đ tiền án phí Hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 147, 228 Bộ luật tố tụng Dân sự; Điều 14, 15, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Ngọc T và anh Nguyễn Hữu H.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Ngọc D, sinh ngày 10/4/2004 cho anh Nguyễn Hữu H tiếp tục nuôi dưỡng.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Nguyễn Hữu H không yêu cầu chị Nguyễn Ngọc T cấp dưỡng nuôi con chung, nên không xem xét.

4. Về tài sản chung: Chị T và anh H không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về án phí sơ thẩm: Buộc chị Nguyễn Ngọc T nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí Hôn nhân sơ thẩm. Chị T đã nộp 300.000đ tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 0006273 ngày 23/11/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Hồ nên được khấu trừ qua.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Về quyền kháng cáo: Chị T được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Nguyễn Hữu H được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long
- VKSND huyện Long Hồ;
- Chi cục THADS huyện Long Hồ;
- Các đương sự;
- Lưu VP, HS./.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Đặng Thị Ngọc Tú